

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản số 06/CV-TV ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Trần Vinh về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 295/TTr-PTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Trần Vinh, địa chỉ: Số 05-07, đường 30/4, Khóm 4, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình khách sạn Trần Vinh tại Khóm 4, Phường 3, thành phố Bạc Liêu với các nội dung như sau:

- Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:**
 - Tên dự án đầu tư:** Dự án đầu tư xây dựng công trình khách sạn Trần Vinh.
 - Địa điểm hoạt động:** Khóm 4, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
 - Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 1900650940, đăng ký lần đầu ngày 19/3/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/8/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 5137370787 chứng nhận lần đầu ngày 29/5/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.
 - Mã số thuế:** 1900650940.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khách sạn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích sử dụng đất: 488,36 m² (tại thửa đất số 171 diện tích 422,8m², thửa đất số 243 diện tích 12,7m², thửa đất số 150 diện tích 52,86m², tờ bản đồ số 12).

- Công suất thiết kế: Xây dựng đồng bộ các hạng mục công trình của khách sạn với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, với quy mô với quy mô 80 phòng khách, các phòng phục vụ đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

- Số lượng khách chứa tối đa tại khách sạn: 200 người.

- Quy mô kiến trúc dự kiến xây dựng:

+ Tổng diện tích sàn sử dụng: 5.823 m²

+ Xây dựng khách sạn 9 tầng lầu (chưa bao gồm tầng hầm, tầng trệt, tầng sân thượng, 01 tum mái cầu thang), trong đó bao gồm 80 phòng khách (với 127 giường); các phòng ăn; bộ phận tiếp tân, phục vụ; nhà xe 02 bánh và xe du lịch ở tầng hầm; chiều cao công trình 41,4m.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH TMDV Khách sạn Trần Vinh có trách nhiệm:

2.1 Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2 Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3 Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày....tháng....năm 2024 đến ngày... tháng...năm 2034).

Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Trần Vinh tại số 47/GXN-UBND ngày 18/11/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Phường 3 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH TMDV Khách sạn Trần Vinh;
- Cổng thông tin điện tử thành phố (để đăng tải);
- Phòng TN&MT TP;
- UBND Phường 3;
- Lưu: VT, LT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Văn Mậu



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 01/GPMT-UBND
ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của khách lưu trú, lưu lượng 12,8 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động tại khu bếp và khu giặt giũ, lưu lượng 4,8 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của quản lý, nhân viên khách sạn, lưu lượng 1,152 m³/ngày đêm.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 20 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Toàn bộ nước thải của dự án được thu gom về Trạm XLNT tập trung để xử lý, sau đó nước thải sẽ thoát ra hệ thống thoát nước chung trên tuyến đường 30/4, phường 3, thành phố Bạc Liêu, sau đó thoát ra nguồn tiếp nhận là Kênh Xáng Bạc Liêu – Cà Mau.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: 01 vị trí tại hố ga thoát nước thải trên đường 30/4, phường 3, thành phố Bạc Liêu.

Vị trí hố ga sau hệ thống xử lý nước thải (hố ga quan trắc sau hệ thống xử lý) tại tọa độ X = 0579394; Y = 1026826 (theo hệ tọa độ VN 2000).

- Tọa độ vị trí xả nước thải VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi 3⁰ (01 điểm tại hố ga trên đường 30/4, phường 3, thành phố Bạc Liêu): X = 0579395; Y = 102682

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20 m³/ngày đêm (tương đương khoảng 0,83 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả liên tục 24 giờ/ngày đêm.

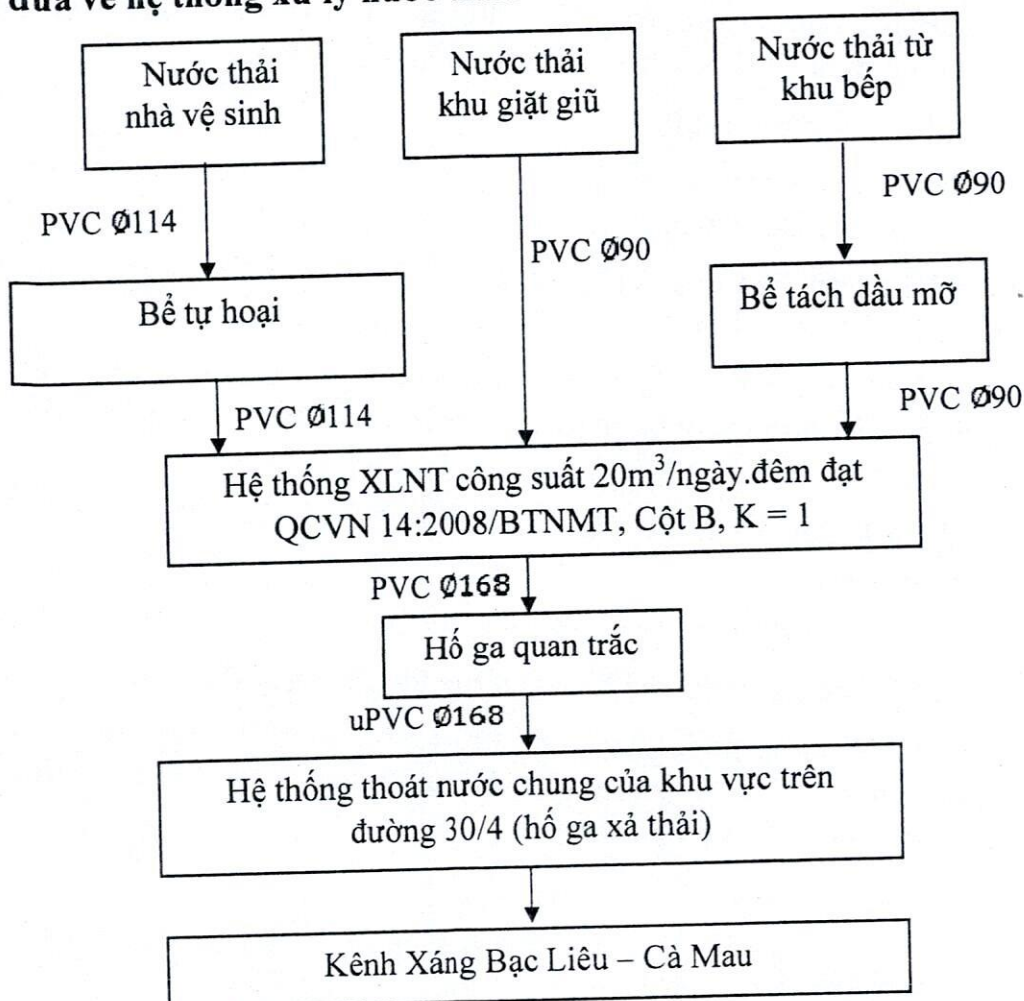
2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000
4	BOD ₅	mg/L	50
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	50
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	10
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	20
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

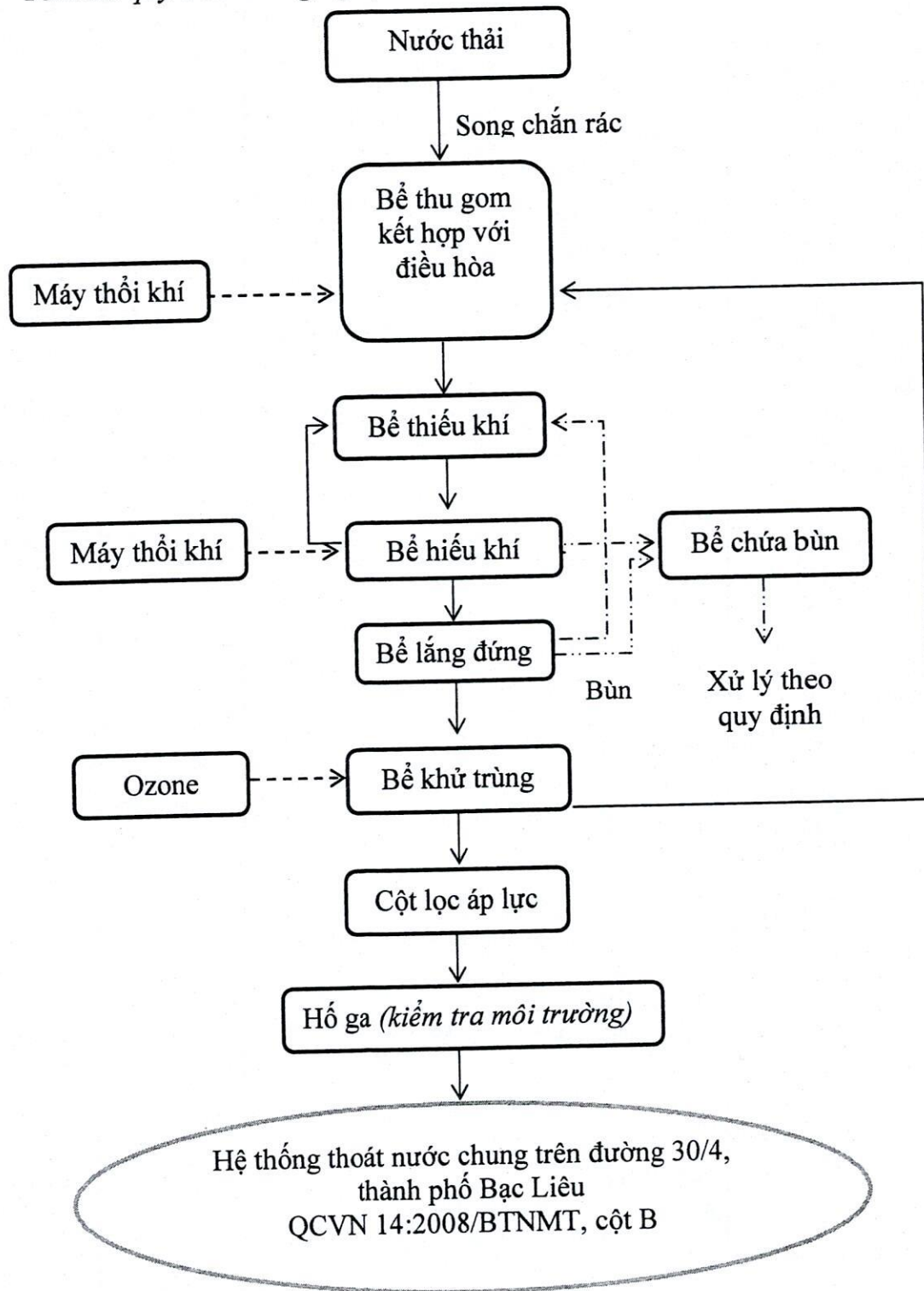
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



Chú thích:

- | | | | |
|------------|--------------|------------|-----------------------|
| —————> | Ống dẫn nước | - - - - -> | Ống dẫn bùn tuần hoàn |
| - - - - -> | Ống dẫn bùn | - - - - -> | Ống dẫn khí, hóa chất |

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

* Đối với bể tự hoại

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn phân, nước tiểu. Do đó, phải thường xuyên thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.
- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu: Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu theo định kỳ.
- Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước: Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất
- Đảm bảo không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn thoát nước.

* Đối với hệ thống xử lý nước thải

- Thường xuyên giám sát nồng độ các chất ô nhiễm có khả năng gây ô nhiễm và ô nhiễm nặng.
 - Lập kế hoạch bảo hành định kỳ đối với thiết bị máy móc và đối với những đơn vị công trình quan trọng cần có thiết bị dự phòng.
 - Vận hành các hệ thống xử lý theo đúng quy trình đã thiết lập.
 - Thiết kế hệ thống theo 02 chế độ vận hành: tự động và thủ công. Trong trường hợp có sự cố đối với chế độ tự động thì bảo đảm vận hành bằng phương pháp thủ công
 - Thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng nước đầu ra của hệ thống XLNT, đảm bảo nước thải xử lý đạt quy chuẩn quy định
 - Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời
 - Thường xuyên theo dõi hiệu suất xử lý nước thải của các bể sinh học thông qua kiểm tra bùn hoạt tính để có biện pháp khắc phục kịp thời..
- * *Phương án ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải*: Chủ yếu ứng phó các sự cố thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý nước thải như sự cố bùn hoạt tính (sốc tải), sự cố máy móc thiết bị, tràn đổ hóa chất.
- Đối với sự cố bùn hoạt tính: Xảy ra sự cố khi nồng độ ô nhiễm tăng đột ngột làm sốc tải bể sinh học (làm ức chế các vi sinh vật), hoặc có thể xảy ra khi quá trình sục khí không đảm bảo cung cấp đủ oxy trong quá trình xử lý. Giải pháp ứng phó như sau:
 - + Xác định nguyên nhân gây ra sự cố để có hướng xử lý tốt nhất.
 - + Giảm lưu lượng nước thải vào các bể sinh học.
 - + Điều chỉnh lượng oxy (khi kiểm tra sự cố có liên quan đến việc cấp khí).

+ Cung cấp thêm lượng bùn hoạt tính để xử lý (trong trường hợp hệ thống bị sốc tải không đủ khả năng xử lý), đồng thời thay thế lượng bùn hoạt tính già (bùn hoạt tính không còn khả năng xử lý).

+ Cung cấp thêm dinh dưỡng để duy trì vi sinh trong trường hợp nước thải đầu vào có hàm lượng dinh dưỡng thấp.

- Sự cố máy móc, thiết bị: Trong quá trình vận hành các thiết bị, máy móc của hệ thống gặp sự cố cũng gây ảnh hưởng đến quá trình xử lý nước thải của hệ thống. Do đó, tất cả các thiết bị chính trong hệ thống xử lý đều có số lượng tối thiểu 01 hoạt động – 01 dự phòng. Khi một thiết bị trục trặc, thiết bị còn lại sẽ đảm nhận hoạt động trong thời gian sửa chữa, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục.

- Sự cố tràn đổ hóa chất: Hệ thống xử lý nước thải chủ yếu sử dụng hóa chất là Ozone để khử trùng. Do đó, có thể gặp một số sự cố trong quá trình sử dụng máy như bị rò điện ra vỏ máy, máy không sinh ra khí, . Do đó, dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu và ứng phó sự cố như sau:

+ Định kỳ kiểm tra bảo dưỡng máy ozone theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

+ Máy phải được nối tiếp đất, đặt nơi khô ráo, thoáng khí và lắp bộ tách ẩm khí đầu vào.

+ Thường xuyên kiểm tra, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật khi sử dụng trong xử lý nước.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Lập nội quy an toàn sử dụng hóa chất.

+ Khi xảy ra sự cố:

Trong trường hợp phát hiện rò rỉ khí ozone, công nhân vận hành phải đeo mặt nạ phòng độc, mũ, quần áo bảo hộ, kính an toàn, găng tay bảo vệ và bình thở oxi để xử lý. Nếu bị ngạt thở cần lập tức đưa người bệnh ra chỗ thoáng mát, nói rộng quần áo và kịp thời đưa đến cơ sở y tế gần nhất, tuyệt đối không làm hô hấp nhân tạo vì làm như vậy sẽ gây tổn thương về phổi.

Ngăn chặn nguồn rò rỉ và không chế không cho lan qua các khu vực khác (trường hợp sự cố xảy ra do rò rỉ khí ozone tại hệ thống xử lý nước thải).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tháng 10/2024 – 12/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu đơn nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH; TSS ; TDS ; BOD₅(20⁰C); Amoni; Sunfua (tính theo H₂S); Nitrat; Phosphat; Tổng các chất thoát động bề mặt; Dầu mỡ động, thực vật; Tổng Coliforms.



- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 lần.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện quan trắc nước thải định kỳ tại 02 vị trí:

+ 01 điểm đầu vào hệ thống xử lý nước thải (*hồ ga thu gom nước thải của dự án tọa độ X = 0579390; Y = 1026810*);

+ 01 điểm tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải (*hồ ga quan trắc sau bể khử trùng trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận*) tọa độ X = 0579394; Y = 1026826.

- Thông số giám sát đối với đầu vào hệ thống XLNT: pH; BOD₅; TSS; Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms.

- Thông số giám sát đối với đầu ra hệ thống XLNT: BOD₅; Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (H₂S); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms.

- Nguồn tiếp nhận: Hệ thống thoát nước chung trên đường 30/4.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B).

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi cơ quan cấp phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

- Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 2:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 21/GPMT-UBND
ngày 08 tháng 1 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung như máy bơm, máy thổi khí
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Khu vực đặt máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau:

Tiếng ồn phát sinh nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung, cụ thể:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

Để giảm thiểu các tác động từ tiếng ồn và độ rung phát sinh, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy phát điện dự phòng:
- + Thường xuyên kiểm tra vào bảo trì cho máy phát điện.
- + Buồng tiêu âm chống ồn để đặt máy phát điện được lắp đặt đồng bộ với

hệ thống thiết bị.

+ Để giảm thiểu hiện tượng rung do máy phát gây ra, chủ đầu tư sẽ đặt các tấm đệm chống rung dưới thân máy. Không kê máy phát sát tường, nhằm tránh hiện tượng rung cộng hưởng. Đồng thời thường xuyên tra dầu mỡ, kiểm tra tình trạng hoạt động của máy móc - động cơ, đảm bảo tình trạng máy không bị hư hại trong quá trình sử dụng.

- Tiếng ồn từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải: Máy bơm được bố trí trong khu vực tầng hầm, cách xa hoạt động sinh hoạt của khách nên mức độ ảnh hưởng sẽ được giảm thiểu. Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy bơm để giám sát các thay đổi khi máy vận hành, bố trí kỹ thuật viên xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.

Phụ lục 3:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số: 04/GPMT-UBND
 ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)
I. Chất thải nguy hại				
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5
2	Dầu nhớt thải	17 02 03	Rắn	5
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	0,5
4	Giẻ lau có nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	1
5	Bao bì kim loại cứng thải (bình xịt côn trùng,...)	18 01 02	Rắn	0,5
Tổng cộng				12

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Người sử dụng	Số người	Định mức phát sinh (kg/người.ngày)	Khối lượng (kg/ngày)
1	Khách lưu trú	200	1,0	200
2	Từ các hoạt động dịch vụ (khu vực cà phê, ăn uống...)	100	0,5	50
3	Quản lý, nhân viên	12	1,0	12
Tổng cộng				262

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Biện pháp lưu giữ

TT	Công trình lưu giữ	Số lượng	Đơn vị	Diện tích	Vị trí	Đặc tính kỹ thuật
1	Kho chứa CTNH	1	Kho	3 m ²	Tầng 9 của khách sạn	Tường gạch

TT	Công trình lưu giữ	Số lượng	Đơn vị	Diện tích	Vị trí	Đặc tính kỹ thuật
2	Thùng chứa CTNH	2	Cái	1201	Bên trong kho lưu chứa CTNH	Composite

Để giảm thiểu ô nhiễm do chất thải nguy hại, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Mở sổ theo dõi quản lý chất thải nguy hại.
- Phân loại chất thải nguy hại và lưu chứa trong các thùng kín thích hợp, có dán nhãn và lưu trong kho chứa chất thải nguy hại.
- Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại được đặt tại khu vực thích hợp, có mái che, rãnh thoát nước theo đúng quy định. Quy cách kho lưu chứa CTNH sẽ được thực hiện theo đúng thông tư 02/2022/TT-BTNMT.
- Hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại để xử lý theo đúng quy định. Đơn vị này phải có giấy phép theo quy định tại Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định đối với bùn từ hệ thống xử lý nước thải.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, công ty thực hiện các biện pháp sau:

Bố trí 50 thùng rác loại 20 lít bằng nhựa đặt tại nhà vệ sinh và trong khuôn viên khách sạn. Sau mỗi ngày sẽ được nhân viên vệ sinh thu gom và chuyển vào khu vực tập kết rác bố trí 02 thùng rác, mỗi thùng 240 lít có nắp đậy, đặt tại khu vực tầng hầm của dự án.

Chủ Cơ sở đảm bảo thực hiện quản lý chất thải phát sinh chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

Tần suất thu gom: 1 lần/ngày (Ký hợp đồng thu gom với Trung tâm dịch vụ đô thị Bạc Liêu).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

Kho lưu chứa chất thải nguy hại tại dự án phải đảm bảo yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.